| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VB**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc** |

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

***- Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa***: Ông Khắc Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn ĐT, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Đoàn Như H ; nơi cư trú: Thôn A, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Đoàn Như H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06-9-2012 tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, anh chị hòa T ận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu T ẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp,

nên đã xảy ra bất hòa. Do mâu T ẫn vợ chồng nên chị đã về gia đình ở thôn ĐT, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu T ẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Như H .

Về con chung: Chị và anh Đoàn Như H có 02 con chung là Đoàn Như Q H, sinh ngày 08-7-2011 và Đoàn Khải P, sinh ngày 15-11-2016. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh H .

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đoàn Như H xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Trần Thị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa T ận hạnh phúc được thời gian đầu và có hai con chung. Mâu T ẫn vợ chồng phát sinh là do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên chị T đã bỏ nhà đi. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị T có 02 con chung là Đoàn Như Q H, sinh ngày 08-7-2011 và Đoàn Khải P, sinh ngày 15-11-2016. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị T .

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; T thập chứng cứ, việc xét xử vắng nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Đoàn Như H . Về con chung: Giao hai con chung là Đoàn

Như Q H, sinh ngày 08-7-2011 và Đoàn Khải P, sinh ngày 15-11-2016 cho anh Đoàn Như H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh H tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Đoàn Như H có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Đoàn Như H T ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, chị Trần Thị T và anh Đoàn Như H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị T và anh Đoàn Như H .

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Đoàn Như H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 06-9-2012, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà T ận thời gian đầu và có hai con chung. Mâu T ẫn vợ chồng phát sinh là do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Nay chị T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu T ẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn với anh H . Quá trình giải quyết vụ án, anh H xác định tình nghĩa vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị T . Qua xác minh tại địa phương thì thấy vợ chồng chị T và anh H có mâu T ẫn, từ năm 2019 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu T ẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị Trần Thị T xin ly hôn với anh Đoàn Như H phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Đoàn Như H có hai con chung là Đoàn Như Q H, sinh ngày 08-7-2011 và Đoàn Khải P, sinh ngày 15-11-2016. Khi

ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H đề nghị được nuôi cả hai con. Xét yêu cầu đề nghị nuôi con chung của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Anh H có nơi ở và T nhập ổn định, cháu Đoàn Như Q H, sinh ngày 08-7-2011 có nguyện vọng ở với anh H , cháu Đoàn Khải P, sinh ngày 15-11-2016 còn nhỏ, hiện hai con chung đang ở với anh H được anh và gia đình chăm sóc chu đáo. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị T , giao cả hai con chung anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh H tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Đoàn Như H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức T , miễn, giảm, T , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Đoàn Như H .

2. Về con chung: Giao hai con chung là Đoàn Như Q H, sinh ngày 08-7-2011 và Đoàn Khải P, sinh ngày 15-11-2016 cho anh Đoàn Như H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Trần Thị T và anh Đoàn Như H tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Đoàn Như H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai T  tiền tạm ứng án phí số 0002211 ngày 16 tháng 3 năm 2022. Chị Trần Thị T  đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã HB huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**